

# KIẾN THỨC PHÒNG BỆNH VIÊM GAN B CỦA SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI TẠI THANH HÓA NĂM 2021 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Thanh Huyền<sup>1</sup>, Trịnh Thị Hồng Nhung<sup>1</sup>, Lê Đức Tâm<sup>1</sup>, Nguyễn Đăng Vững<sup>2</sup>, Trần Thị Thanh Thuý<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Sinh viên Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa là nhóm đối tượng có nguy cơ cao bị lây nhiễm virus Viêm gan B thông qua các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Họ là những nhân viên y tế tương lai và còn là những người sẽ tư vấn cho cộng đồng phòng tránh lây nhiễm và những hậu quả do virus viêm gan B gây ra. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên toàn bộ sinh viên bác sĩ đa khoa hệ chính quy đang học từ năm thứ nhất đến năm thứ 6 tại Phân hiệu Thanh Hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ sinh viên đạt về kiến thức phòng lây nhiễm HBV chiếm 63,2%, không đạt chiếm 36,8%; Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính, năm học và tìm hiểu về bệnh với kiến thức về phòng lây nhiễm virus viêm gan B. Cần tăng cường tuyên truyền nhằm cung cấp, củng cố kiến thức và nhắc nhở sinh viên thực hành phòng lây nhiễm virus viêm gan B có hiệu quả.

**Từ khóa:** Viêm gan B, sinh viên bác sĩ đa khoa, kiến thức, phòng bệnh.

## SUMMARY

### KNOWLEDGE OF HEPATITIS B INFECTION PREVENTION AND ASSOCIATED FACTORS AMONG STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY, THANH HOA CAMPUS IN 2021

Students at HaNoi Medical University, Thanh Hoa Campus are at high risk of being infected with Hepatitis B virus through professional practice activities at the hospital. They are not only the future health workers but also the people who will consult the community on how to prevent transmission and inform them of the consequences caused by infecting the hepatitis B virus. A cross-sectional descriptive study was carried out on all full-time general practitioner students from the 1st to the 6th year at Thanh Hoa Campus. The study shows that 63,2% of students are ranked with achieving level, 36,8% of students are ranked with non achieving level. There is a statistical relationship between gender, student's year and disease investigation with knowledge of hepatitis B virus infection prevention. It is necessary to promote propaganda with the purpose of providing, consolidating knowledge and reminding students to

pay attention to effective practicing prevention of hepatitis B virus infection.

**Keywords:** Hepatitis B, General practitioner students, knowledge, disease prevention.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm gan B là một trong những bệnh mãn tính nguy hiểm trên toàn thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm có đến hơn 300 triệu người mắc viêm gan B và có đến hơn 600.000 người chết, con số này không ngừng tăng lên từ 3 đến 4 triệu người mỗi năm. [8]

Sinh viên ngành y cũng là đối tượng có nguy cơ cao bị mắc viêm gan B, do sinh viên phải đi lâm sàng tại các bệnh viện và tiếp xúc trực tiếp với người bệnh hằng ngày, nguy cơ phơi nhiễm với máu và dịch tiết của người bệnh có chứa virus viêm gan B là rất cao. Bên cạnh đó, kiến thức về viêm gan B của sinh viên còn hạn chế, chưa đầy đủ để có thể tự bảo vệ mình tránh khỏi nguy cơ và các tác nhân gây bệnh.

Vì vậy, để tìm hiểu thực trạng kiến thức của sinh viên trong phòng lây nhiễm virus viêm gan B và các yếu tố liên quan, chúng tôi quyết định tiến hành đề tài nghiên cứu "Kiến thức phòng bệnh Viêm gan B của sinh viên Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm 2021 và một số yếu tố liên quan" với 2 mục tiêu: 1) *Mô tả kiến thức phòng bệnh Viêm gan B của sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm 2021.* 2) *Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng bệnh Viêm gan B của đối tượng nghiên cứu năm 2021.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1 Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên BSDK hệ chính quy Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa.

### - Tiêu chuẩn lựa chọn:

+ Là sinh viên chính quy hệ BSDK đang theo học tại Phân hiệu trường ĐHYHN tại Thanh Hóa trong thời gian nghiên cứu;

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu;

+ Có khả năng trả lời các câu hỏi.

### 2.2 Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

- Địa điểm nghiên cứu: Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa.

<sup>1</sup>Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội.

<sup>2</sup>Viện Đào Tạo Y học dự phòng và y tế công cộng.

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thanh Huyền

Email: thanhhuyen@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 25.3.2022

Ngày phản biện khoa học: 18.5.2022

Ngày duyệt bài: 26.5.2022

Địa chỉ: Số 733, đường Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2022

**2.3 Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

**2.4 Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Cỡ mẫu được lấy cỡ mẫu toàn bộ, chọn tất cả sinh viên bác sĩ đa khoa đang học từ năm 1 đến năm thứ 6 tại Phân hiệu.

**2.5 Phương pháp thu thập số liệu:** Sử dụng bộ câu hỏi tự điền dưới sự giám sát của các NCV.

**2.6 Tiêu chuẩn đánh giá:** Việc đánh giá kiến thức bằng cách cho điểm và điểm được tính theo từng lựa chọn cho mỗi câu, mỗi lựa chọn đúng sẽ cho 1 điểm, sai sẽ không được điểm. Sinh viên có tổng điểm  $\geq 70\%$  tổng điểm tối đa sẽ được coi là kiến thức đạt về phòng lây nhiễm virus VGB.

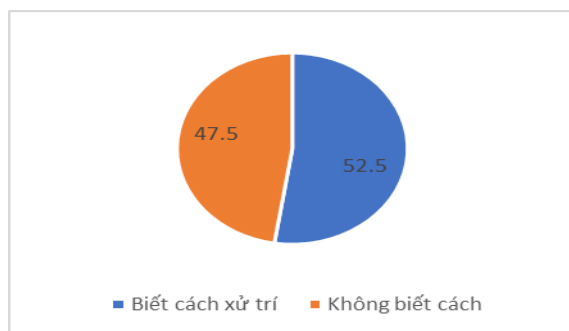
**2.7 Xử lý và phân tích số liệu.** Số liệu

**3.2. Kết quả về kiến thức phòng chống lây nhiễm virus viêm gan B của đối tượng nghiên cứu:**

**Bảng 1: Kiến thức về bệnh VGB của SV**

Nội dung	Kiến thức			
	Đạt		Không đạt	
	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tác nhân gây bệnh	565	96,3	22	3,7
VGB là bệnh truyền nhiễm	545	92,8	42	7,2
Đường lây truyền (trả lời $\geq 6/8$ ý đúng)	367	62,5	220	37,5
Nguồn mang mầm bệnh (trả lời $\geq 1/2$ ý đúng)	320	54,5	267	45,5
Triệu chứng (trả lời $\geq 5/7$ ý đúng)	311	53,0	276	47,0
Hậu quả (trả lời $\geq 4/6$ ý đúng)	401	68,3	186	31,7
Cách phòng bệnh (trả lời $\geq 5/7$ ý đúng)	475	80,9	112	19,1

**Nhận xét:** kết quả nghiên cứu ở bảng 3.1 cho thấy: Trong các kiến thức về VGB của SV, kiến thức về tác nhân gây bệnh đạt tỷ lệ cao nhất là 96,3%, kiến thức về triệu chứng bệnh đạt tỷ lệ thấp nhất (53%).



**Biểu đồ 1: Kiến thức về cách xử trí khi bị phơi nhiễm với virus VGB**

**Nhận xét:** Theo biểu đồ 3.1, chỉ có 47,5% sinh viên biết cách xử trí khi bị phơi nhiễm với virus VGB, còn lại là không biết cách xử trí.

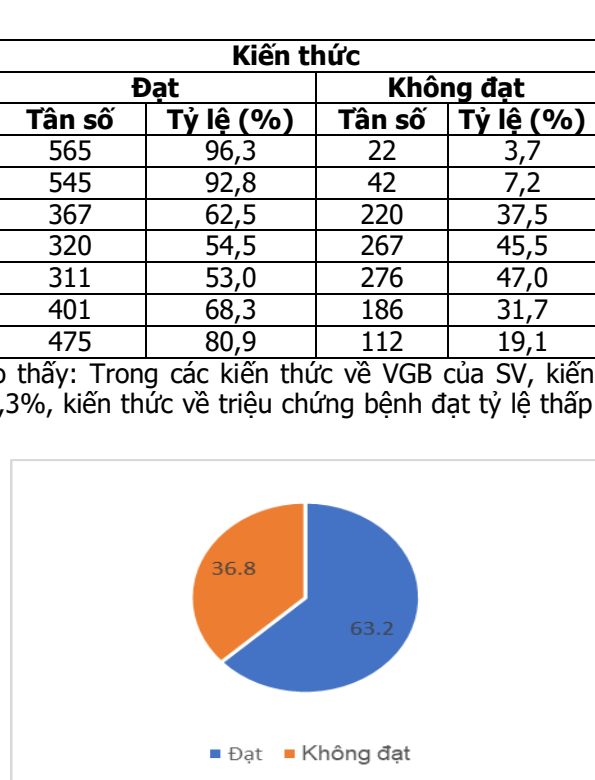
được nhập bằng phần mềm Epidata 3.0 và phân tích bằng phần mềm SPSS.

Áp dụng các phương pháp phân tích thống kê mô tả cho các bảng phân bố tần số. Tính tần suất, tỷ lệ %. Áp dụng thống kê suy luận để phân tích mối liên quan giữa một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng viêm gan B, tính tỷ suất chênh (OR) và 95% khoảng tin cậy (95% CI), với mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ .

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu.** Trong số 587 sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ giới chiếm tỉ lệ cao hơn nam giới (58,9% nữ và 41,1% nam). Sinh viên Y1 chiếm tỉ lệ cao nhất là 20,4%; sinh viên Y6 có tỷ lệ thấp nhất (9,5%); có 9,4% sinh viên có người thân trong gia đình nhiễm VGB; và 74,1% sinh viên đã được cung cấp kiến thức về viêm gan B, chủ yếu qua thầy cô/CBYT (62%), Internet 60,1% và tài liệu học tập là 59,1%.

**3.2. Kết quả về kiến thức phòng chống lây nhiễm virus viêm gan B của đối tượng nghiên cứu:**



**Biểu đồ 2: Kiến thức chung phòng lây nhiễm virus VGB của SV PH**

**Nhận xét:** Có 63,2% sinh viên có kiến thức chung đạt về phòng lây nhiễm virus VGB, và 36,8% sinh viên có kiến thức không đạt.

**Bảng 2: Kiến thức về tiêm phòng vắc xin VGB**

Nội dung		Tần số	Tỷ lệ %
Tiêm vắc xin có hiệu quả bảo vệ (n = 587)	Có	556	94,7
	Không	6	1,0
	Không biết	25	4,3
Số mũi vắc xin tối thiểu (n= 556)	1 mũi	26	4,7
	2 mũi	82	14,7
	>= 3 mũi	392	70,5
	Không biết	56	10,1

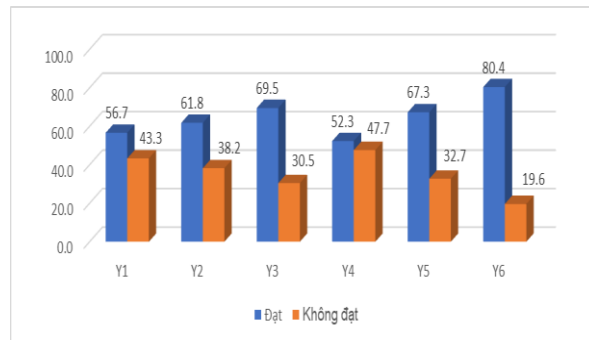
**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu bảng 3.2 cho thấy đa số sinh viên biết số mũi vắc xin cần tiêm đủ để bảo vệ cơ thể là từ 3 mũi trở lên (chiếm tới 94,7%), trong đó có 70,5% sinh viên biết số mũi vắc xin tối thiểu là 3 mũi.

### 3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng lây nhiễm VGB của SV

**Bảng 3: Mối liên quan giữa một số yếu tố cá nhân và kiến thức phòng bệnh viêm gan B của sinh viên Phân hiệu Thanh Hóa**

Yếu tố liên quan	Kiến thức		OR (95% CI)	p
	Không đạt SL (%)	Đạt SL (%)		
<b>Giới:</b> Nam	101 (41,9)	140 (58,1)	1	
Nữ	115 (33,2)	231 (66,8)	<b>1,45 (1,01 – 2,06)</b>	<b>0,032</b>
<b>Năm học</b>				
Năm thứ nhất	52 (43,3)	68 (56,7)	1	
Năm thứ 2	34 (38,2)	55 (61,8)	1,24 (0,68 – 2,25)	0,456
Năm thứ 3	32 (30,5)	73 (69,5)	<b>1,74 (1,00 – 3,02)</b>	<b>0,047</b>
Năm thứ 4	51 (47,7)	56 (52,3)	0,84 (0,48 – 1,47)	0,513
Năm thứ 5	36 (32,7)	74 (67,3)	1,57 (0,89 – 2,79)	0,098
Năm thứ 6	11 (19,6)	45 (80,4)	<b>3,12 (1,41 – 7,34)</b>	<b>0,002</b>
<b>Khu vực sống</b>				
Thành phố (thị xã)	65 (39,9)	98 (60,1)	1	
Nông thôn	105 (34,5)	199 (65,5)	1,25 (0,83 – 1,89)	0,253
Miền núi	39 (39,4)	60 (60,6)	1,02 (0,59 – 1,76)	0,938
Ven biển	7 (33,3)	14 (66,7)	1,33 (0,47 – 4,10)	0,563
<b>Gia đình có người mang vi rút viêm gan B</b>				
Không có	173 (36,3)	303 (63,7)	1	
Có người mắc	18 (32,7)	37 (67,3)	1,17 (0,63 – 2,26)	0,597
<b>Thực tập tại cơ sở y tế</b>				
Chưa từng	118 (37,6)	196 (62,4)	1	
Đã từng	98 (35,9)	175 (64,1)	1,08 (0,76 – 1,53)	0,673
<b>Tiếp xúc với người mang vi rút viêm gan B</b>				
Chưa từng	62 (37,1)	105 (62,9)	1	
Đã từng	81 (31,0)	180 (69,0)	1,31 (0,85 – 2,01)	0,193

**Nhận xét:** Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và năm học tới kiến thức phòng bệnh VGB của SV.

**Biểu đồ 3: Kiến thức chung phòng lây nhiễm virus VGB theo năm học**

**Nhận xét:** Biểu đồ 3.3 cho thấy sinh viên Y6 có tỷ lệ đạt về kiến thức phòng lây nhiễm virus viêm gan B cao nhất (chiếm 66,1%), và sinh viên Y4 có tỷ lệ đạt thấp nhất (40,2%)

## IV. BÀN LUẬN

**Kiến thức về phòng lây nhiễm virus viêm gan B:** Hầu hết sinh viên đều biết tác nhân gây ra bệnh viêm gan B là do virus (96,3%), và biết

viêm gan B là bệnh truyền nhiễm (92,8%). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trần Tuấn Kiệt với 91,5% SV biết tác nhân gây bệnh; [4] và cao hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Vi với 80,72% SV biết VGB là bệnh truyền nhiễm. [3]

#### **Kiến thức về tiêm phòng vắc xin VGB:**

94,7% sinh viên nắm được tiêm vắc xin có hiệu quả bảo vệ cơ thể, trong đó có 70,5% sinh viên biết số mũi vắc xin tối thiểu là 3 mũi. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Anne Njeri Maina tại trường cao đẳng Y tế ở Kenya với tỉ lệ lần lượt là 85,8% và 43,2%. [7]

**Kiến thức về cách xử trí khi bị phơi nhiễm với virus VGB:** Có 47,5% sinh viên biết cách xử trí khi bị phơi nhiễm với virus VGB, còn lại là không biết cách xử trí. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Ân và cộng sự với tỉ lệ 56,96%, [1] và cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Vi tại trường Trung cấp Phạm Ngọc Thạch với 37,5% sinh viên trả lời biết cách xử trí khi bị phơi nhiễm. [3]

**Kiến thức về dự phòng lây nhiễm VGB cho nhân viên y tế:** Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức về dự phòng là khá cao: 96,9% SV nắm được các hoàn cảnh dễ bị lây nhiễm VGB của nhân viên y tế; 94,2% sinh viên biết cách dự phòng lây nhiễm; 90,1% SV biết mục đích của việc sử dụng bảo hộ lao động; tuy nhiên chỉ có 44,3% sinh viên có kiến thức đạt về việc các loại bảo hộ lao động cần sử dụng khi tiếp xúc với bệnh nhân VGB. Lý giải cho việc tỷ lệ sinh viên biết mục đích của việc sử dụng bảo hộ lao động cao, nhưng tỉ lệ SV có kiến thức đạt về các loại bảo hộ lao động cần sử dụng lại thấp, do mới chỉ có sinh viên các khối Y4, Y5, Y6 đi lâm sàng, và chỉ các sinh viên Y5, Y6 mới được tham gia làm thủ thuật. Vì vậy, tỉ lệ sinh viên được trực tiếp thực hành chưa cao, đồng nghĩa với việc kiến thức thực tế của các em về phương tiện cần sử dụng thấp.

**Kiến thức chung của sinh viên về cách phòng bệnh VGB:** Theo kết quả nghiên cứu, có 63,2% sinh viên có kiến thức chung về phòng bệnh VGB đạt, và 32,8% sinh viên có kiến thức không đạt. Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thùy Linh năm 2015 tại Hải Phòng (88,5%). [2] Kết quả này được giải thích do nghiên cứu của tác giả trên ở đối tượng nhân viên y tế, đã có kiến thức tốt hơn về VGB so với sinh viên BSĐK tại Phân hiệu Thanh Hóa. Mặc dù vậy, tỷ lệ này lại cao hơn so với một số nghiên cứu khác ở trên thế giới: 21% ở Đại học Qassim năm 2019, [5] 50% tại trường cao đẳng Y tế ở

Kenya. [7]

#### **Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng bệnh viêm gan B của sinh viên:**

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ có kiến thức đạt về phòng lây nhiễm virus VGB ở SV nữ (66,8%) cao hơn SV nam (55,1%). Sinh viên nam và nữ được tiếp cận và tiếp thu những kiến thức chung về viêm gan B như nhau từ trường học. Tuy nhiên, SV nữ thường có xu thế tham gia nhiều hơn các chương trình truyền thông của nhà trường, của các câu lạc bộ, nên kiến thức của SV nữ tốt hơn của SV nam. Sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

Tỷ lệ SV có kiến thức đạt về phòng lây nhiễm VGB tăng theo năm học. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ SV có kiến thức đạt về phòng lây nhiễm VGB ở lớp Y3 (69,5%), lớp Y6 (80,4%), lớp Y1 (56,7%). So với lớp Y1, tỷ lệ SV có kiến thức đạt của lớp Y3 cao gấp 1,74 lần và Y6 cao gấp 3,12 lần. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Nguyên nhân được lý giải là do sinh viên Y3 là lớp mới được học bài về virus VGB do Bộ môn Vi sinh và truyền nhiễm phối hợp. Còn Y6 là khóa sinh viên sắp ra trường, nên kiến thức về bệnh của các em cũng tốt hơn so với sinh viên khóa trước. Các kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Teshome Gebremeskel và cộng sự về kiến thức phòng chống VGB ở sinh viên y tại Đại học Woldia, Đông Bắc Ethiopia cho thấy năm học có liên quan đáng kể đến kiến thức của người tham gia. [6] Sinh viên năm thứ 4 và năm thứ 5 có nhiều kiến thức hơn so với sinh viên những năm đầu. Điều này có thể là do khi số năm học tăng lên, kinh nghiệm thực tế và kiến thức về bệnh của sinh viên ngày càng được nâng cao và củng cố.

#### **V. KẾT LUẬN**

Kết quả khảo sát 587 sinh viên bác sĩ đa khoa hệ chính quy của Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2022 cho thấy: tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức phòng lây nhiễm virus VGB chiếm 63,2%. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng lây nhiễm virus VGB là giới tính và năm học. Như vậy, để góp phần nâng cao kiến thức phòng lây nhiễm virus VGB, nhà trường cần tăng thêm nội dung phòng ngừa lây nhiễm VGB vào chương trình giáo dục đầu khóa cho SV mới nhập học sau khi trúng tuyển vào trường để kịp thời cung cấp kiến thức phòng lây nhiễm VGB cho SV. Đồng thời tăng cường, đổi mới các hoạt động truyền thông về VGB cả về nội dung và hình thức, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, trong các

buổi hiến máu nhân đạo để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin về phòng bệnh VGB.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Ân (2018), "Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng ngừa lây nhiễm vi rút viêm gan B của sinh viên ngành bác sĩ đa khoa hệ chính quy năm cuối đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh năm học 2016-2017", Tạp chí Y học TPHCM, năm 2018, phụ bản tập 22, số 2.
2. Nguyễn Thị Thùy Linh (2015), " Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống lây nhiễm viêm gan B của sinh viên trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2015", Tạp chí Y học dự phòng, Năm 2016, Tập XXVI, số 14 (187).
3. Nguyễn Thị Vi (2013), Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng bệnh viêm gan B của học sinh điều dưỡng năm thứ nhất thuộc Trường Trung cấp Y Dược Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội năm 2013, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội.
4. Nguyễn Trần Tuấn Kiệt (2013), Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành phòng lây nhiễm virus viêm gan B và một số yếu tố liên quan của học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai năm 2013, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội.
5. Al Wutayd O., AlRehaili A., AlSafrani K., et al. (2019). Current Knowledge, Attitudes, and Practice of Medical Students Regarding the Risk of Hepatitis B Virus Infection and Control Measures at Qassim University. Open Access Maced J Med Sci, **7**(3), 435–439.
6. Gebremeskel T., Beshah T., Tesfaye M., et al. (2020). Assessment of Knowledge and Practice on Hepatitis B Infection Prevention and Associated Factors among Health Science Students in Woldia University, Northeast Ethiopia. Adv Prev Med, 2020.
7. Maina A.N. and Bii L.C. (2020). Factors affecting HBV vaccination in a Medical training College in Kenya: A mixed methods Study. BMC Public Health, **20**(1), 48.
8. Shepard C.W., Simard E.P., Finelli L., et al. (2006). Hepatitis B Virus Infection: Epidemiology and Vaccination. Epidemiol Rev, **28**(1), 112–125.

## ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG CỦA BỆNH NHÂN HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH NÃO

Võ Hồng Khôi<sup>1,2,3</sup>, Phạm Thị Ngọc Linh<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân huyết khối tĩnh mạch não. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả tiến cứu được thực hiện trên 38 bệnh nhân huyết khối tĩnh mạch não điều trị tại Trung tâm Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021. **Kết quả:** Tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là 42,4 ± 14,8. Tỷ lệ nam/nữ 1,2. Thời gian khởi phát: cấp tính 6 bệnh nhân (15,8%), bán cấp 31 bệnh nhân (81,6%), mạn tính 1 bệnh nhân (2,6%). Triệu chứng nhức đầu thường gặp nhất (94,7%), kết hợp với liệt nửa người (34,2%) và co giật (28,9%), rối loạn ý thức (15,8%). Bệnh cảnh lâm sàng đa dạng, trong đó bệnh cảnh thường gặp nhất là nhức đầu phối hợp nôn – buồn nôn chiếm 68,4%; bệnh cảnh nhức đầu kết hợp liệt nửa người, co giật, rối loạn ý thức gặp lần lượt với tỷ lệ 39,5%; 31,6% và 28,9%. Chúng tôi thấy có 60,5% không liệt vận động; 39,5% số bệnh nhân có liệt vận động, trong đó gặp nhiều nhất là cơ lực độ 3 và độ 4 chiếm tỷ lệ như nhau 10,5%. **Kết luận:** Triệu chứng lâm sàng của bệnh rất đa dạng và không đặc hiệu, nhức đầu chiếm tỷ lệ nhiều nhất 94,7%, liệt nửa người

34,2%, co giật 28,9% và rối loạn ý thức 15,8%. Bệnh cảnh lâm sàng đa dạng, trong đó bệnh cảnh thường gặp nhất là nhức đầu phối hợp nôn – buồn nôn chiếm 68,4%; bệnh cảnh nhức đầu kết hợp liệt nửa người, co giật, rối loạn ý thức gặp lần lượt với tỷ lệ 39,5%; 31,6% và 28,9%.

**Từ khóa:** Huyết khối tĩnh mạch não, lâm sàng.

### SUMMARY

#### CLINICAL FEATURES OF CEREBRAL VENOUS THROMBOSIS

**Objective:** To describe clinical features of cerebral venous thrombosis. **Subjects and methods:** A prospective, descriptive study of 38 patients with cerebral venous thrombosis treated at the Department of Neurology, Bach Mai Hospital from March 2020 to June 2021. **Results:** The mean age was 42.4 ± 14.8, the male/female ratio was 1.2:1. The acute onset was seen in 6 patients (15.8%), subacute in 31 (81.6%) and chronic in 1 (2.6%). The main symptom was headache (94.7%), hemiparesis (34.2%) and seizure (28.9%), disorder of consciousness (15.8%). The clinical scenario is various, in which the most common manifestation is headache with vomiting - nausea accounting for 68.4%; headache associated with hemiplegia, convulsions, and disturbances of consciousness, respectively, 39.5%; 31.6% and 28.9%. We found 60.5% without motor paralysis; 39.5% of the patients had motor paralysis, in which the most common was grade 3 and grade 4, accounting for 10.5%. **Conclusions:** Clinical symptoms was varied and non-specific, the main symptom was headache (94.7%), hemiparesis

<sup>1</sup>Trung tâm Thần kinh Bệnh viện Bạch Mai

<sup>2</sup>Đại học Y Hà Nội

<sup>3</sup>Đại học Y Dược Đại học Quốc Gia HN.

Chịu trách nhiệm chính: Võ Hồng Khôi

Email: drvohongkhai@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 1.4.2022

Ngày phản biện khoa học: 27.5.2022

Ngày duyệt bài: 2.6.2022